

Số: /2026/QĐ-UBND Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;*

*- Căn cứ Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025;*

*- Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2026 về việc ban hành Quyết định định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024;*

*Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn*

*Thành phố được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn Thành phố được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2024 như sau:

1. Bổ sung vào cuối Phần I, Mục I, khoản 1, điểm "a) Văn bản của Quốc hội" đoạn:

"- Nghị quyết số 1656/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hà Nội năm 2025."

2. Bổ sung vào cuối Phần I, Mục I, khoản 1, điểm "b) Văn bản của Chính phủ" đoạn:

"- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường."

3. Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã" tại Phần I, Mục II, khoản "1. Phạm vi điều chỉnh".

4. Sửa đổi, bổ sung Phần I, Mục III, khoản 2 như sau:

"2. Phân khu vực như sau

a) Khu vực 1

Địa bàn cấp xã có địa hình đồi, núi và có hồ chứa thủy lợi. Bao gồm các phường: Sơn Tây, Tùng Thiện và các xã: Ba Vì, Bát Bạt, Cổ Đô, Đa Phúc, Đoài Phương, Hạ Bằng, Hòa Lạc, Hòa Phú, Hồng Sơn, Hưng Đạo, Hương Sơn, Kiều Phú, Kim Anh, Minh Châu, Mỹ Đức, Nội Bài, Phú Cát, Phú Nghĩa, Phúc Sơn, Quảng Bị, Quảng Oai, Quốc Oai, Sóc Sơn, Suối Hai, Tây Phương, Thạch Thất, Trần Phú, Trung Giã, Vật Lại, Xuân Mai, Yên Bài, Yên Xuân.

b) Khu vực 2

Địa bàn các phường có sản xuất nông nghiệp và các xã giáp ranh phường có tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp thấp dưới 50 % so với diện tích tự nhiên. Bao gồm các phường: Bồ Đề, Chương Mỹ, Đại Mỗ, Định Công, Đông Ngạc,

Dương Nội, Hà Đông, Hoàng Liệt, Kiến Hưng, Phú Diễn, Phú Lương, Phúc Lợi, Tây Mỗ, Tây Tựu, Thanh Liệt, Thượng Cát, Từ Liêm, Xuân Đình, Xuân Phương, Yên Nghĩa, Yên Sở và các xã: An Khánh, Bát Tràng, Đại Thanh, Đan Phượng, Đông Anh, Dương Hòa, Gia Lâm, Hoài Đức, Liên Minh, Nam Phù, Ngọc Hồi, Ô Diên, Phù Đổng, Phúc Thịnh, Sơn Đồng, Thanh Trì, Thiên Lộc, Thụ Lâm, Thuận An, Vĩnh Thanh."

c) Khu vực 3

Địa bàn các xã còn lại, bao gồm: Bình Minh, Chương Dương, Chuyên Mỹ, Đại Xuyên, Dân Hòa, Hát Môn, Hòa Xá, Hồng Vân, Mê Linh, Phú Xuyên, Phúc Lộc, Phúc Thọ, Phượng Dực, Quang Minh, Tam Hưng, Thanh Oai, Thượng Phúc, Thường Tín, Tiến Thắng, Ứng Hòa, Ứng Thiên, Vân Đình, Yên Lãng.

Căn cứ các tiêu chí phân khu vực như trên, nếu địa phương cấp xã nào thay đổi phù hợp tiêu chí, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh khu vực cho địa phương đó."

5. Sửa đổi đoạn 3, bổ sung đoạn 4 tại Phần II, Mục "II. Mã hiệu B.1000: Định mức kiểm tra thường xuyên kênh và công trình trên kênh", khoản "3. Quy định áp dụng" như sau:

"- Địa bàn đô thị là các phường trên địa bàn thành phố Hà Nội, tỉnh Ninh Bình; địa bàn còn lại là ngoài đô thị.

- Đối với đoạn kênh có 01 bờ thuộc xã, 01 bờ thuộc phường thì địa bàn áp dụng cho đoạn kênh đó là đô thị."

6. Bổ sung vào cuối Phần II, Mục "II. Mã hiệu B.1000: Định mức kiểm tra thường xuyên kênh và công trình trên kênh", khoản "4. Yêu cầu chất lượng" đoạn sau:

"- Nếu không kịp thời phát hiện vi phạm, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý, để xảy ra vi phạm kéo dài thì không được thanh toán kinh phí kiểm tra của đoạn công trình đó, trên địa bàn cấp xã đó, kể từ khi phát sinh vi phạm cho đến khi vi phạm được xử lý theo quy định."

7. Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã" tại Phần II, Mục "XII. Mã hiệu H.1000: Định mức chi phí quản lý", khoản "1. Chi phí quản lý", "Bảng 16. Định mức chi phí quản lý".

8. Thay thế từ "huyện" bằng từ "xã" tại Phần II, Mục "XIII. Mã hiệu K.1000: Định mức chi phí bảo trì", khoản "1. Chi phí bảo trì".

9. Thay thế các từ "huyện" bằng từ "xã" tại Phần II, Mục "XIV. Mã hiệu L.1000: Lợi nhuận định mức ", khoản "1. Lợi nhuận định mức ..." và "Bảng 18. Lợi nhuận định mức".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày      tháng      năm 2026; các nội dung sửa đổi, bổ sung áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc nhà nước Khu vực I; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Các Bộ: Nông nghiệp và MT, Tư pháp;
- TT Thành ủy, TT HĐND Thành phố;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND Thành phố;
- Cục kiểm tra VB QPPL - Bộ Tư pháp;
- VPUB: Các PCVP, các phòng: NC, KT, TH; Trung tâm Truyền thông, Dữ liệu và Công nghệ số;
- Lưu: VT, NNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Vũ Đại Thắng**